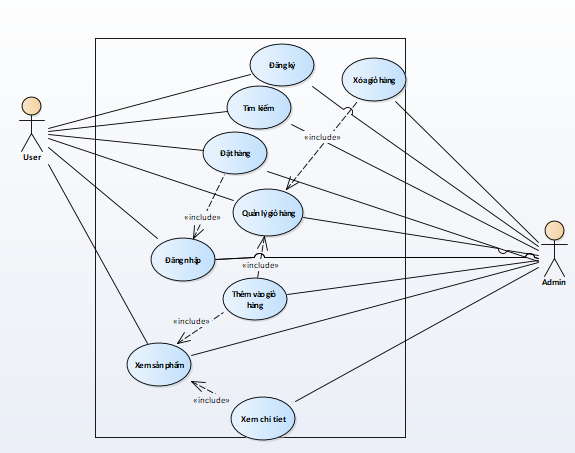
# I. Đặc tả use case.



# **II. Use Case diagram**

## Usecase “Đăng ký”

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | Đăng ký |
| **Brief description** | Người dùng đăng ký một tài khoản mới |
| **Actor(s)** | Người mua hàng,admin |
| **Pre-conditions** | Có kết nối Internet |
| **Post-conditions** | Nếu đăng nhập thành công: User có tài khoản mới, dữ liệu được thêm vào cơ sở dữ liệu  Nếu đăng nhập không thành công: Dữ liệu không được thêm vào cơ sở dữ liệu |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use case bắt đầu khi người dùng click vào ô đăng ký.   1. Nhập user name 2. Nhập password 3. Điền thông tin người dùng 4. Nhập email 5. Nhấn đăng ký 6. Admin kiểm tra thông tin người dùng nhập và thêm vào cơ sở dữ liệu 7. Đăng ký thành công |
| Alternative flow  (Thất bại) | 1. Thêm dữ liệu đã tồn tại vào cơ sở dữ liệu  * Thông báo cho User, đăng ký không thành công  1. Password không đủ tiêu chuẩn  * Thông báo cho User, nút Save bị disable   2. Password nhập lại không giống password đầu   * Thông báo cho User, nút Save bị disable   3. Email không hợp lệ   * Thông báo cho User, nút Save bị disable |
| **Extension point** | Quá trình thêm dữ liệu bị lỗi   * Thông báo cho User và quay lại màn hình chính |

## Use case “Đăng nhập”

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | **Đăng nhập** |
| **Brief description** | Người dùng đăng nhập vào hệ thống |
| **Actor(s)** | Người dùng,admin |
| **Pre-conditions** | Người dùng đã được tạo tài khoản trong hệ thống, có kết nối Internet |
| **Post-conditions** | Nếu đăng nhập thành công: Người dùng được xác thực và hệ thống hiển thị thông tin người dùng và cho phép người dùng đặt hàng  Nếu đăng nhập không thành công: Người dùng không truy cập được vào hệ thống |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use case bắt đầu khi người dùng click vào ô đăng nhập.   1. Hệ thống hiển thị cửa sổ cho người dùng nhập username và password 2. Người dùng nhập username và password 3. Hệ thống xác thực username và password 4. Hệ thống xác định vai trò của người dùng 5. Hệ thống mở màn hình trang chủ và mở các chức năng được phép truy cập của người dùng. |
| Alternative flow  (Thất bại) | Nếu người dùng nhập sai username hay/và password. Những công việc sau được thực hiện:   1. Hệ thống mô tả lý do xác thực bị sai 2. Hệ thống lưu ý người dùng đăng nhập lại 3. Khi người dùng nhập lại username và password, bước 3 ở Basic flow được thực hiện. |
| **Extension point** | Không có |

## Usecase “Tìm kiếm”

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | Tìm kiếm |
| **Brief description** | Người dùng muốn tìm sản phẩm mà mình muốn. |
| **Actor(s)** | Người dùng, admin |
| **Pre-conditions** | Có kết nối Internet |
| **Post-conditions** | Tìm kiếm thành công: Các sản phẩm mà người dùng muốn tìm sẽ hiện ra  Tìm kiếm không thành công: Không có sản phẩm để hiển thị. |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use case bắt đầu khi người dùng tìm sản phẩm và click vào nút tìm kiếm.  1. Người dùng nhập từ khóa muốn tim kiếm vào ô textbox.  2. Admin tìm kiếm theo từ khóa.  3. Admin mở màn hình hiển thỉ những sản phẩm vừa tìm kiếm được. |
| Alternative flow  (Thất bại) | Nếu người dùng nhập sai từ khóa hoặc tên sản phẩm không có trong của hàng. Những công việc sau được thực hiện:  - Hệ thống mở màn hình hiển thỉ thông báo không có sản phẩm này. |
| **Extension point** | Không có |

## Usecase “Thêm vào giỏ”

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | Thêm vào giỏ |
| **Brief description** | Người dùng muốn mua sản phẩm được chọn. |
| **Actor(s)** | Người dùng, admin |
| **Pre-conditions** | Có kết nối Internet |
| **Post-conditions** | Đặt hàng thành công: Các sản phẩm mà người dùng muốn đặt sẽ được thêm vào giỏ hàng  Đặt hàng không thành công: Sản phẩm không được thêm vào giỏ hàng. |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use case bắt đầu khi người dùng nhấn vào nút thêm vào giỏ hang  1. Admin cập nhật đưa sản phẩm vào giỏ hàng  2. Hệ thống mở màn hình hiển thỉ đặt hàng thành công.  3. Sản phẩm đã được thêm vào giỏ hang |
| Alternative flow  (Thất bại) | Không có |
| **Extension point** | Không có |

## Usecase “Quản lý giỏ hàng”.

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | Quản lý |
| **Brief description** | Người dùng có thể điều chỉnh giỏ hàng. |
| **Actor(s)** | Người dùng,admin |
| **Pre-conditions** | Người dùng phải đặt hàng từ trước, có kết nối Internet |
| **Post-conditions** | Thành công: có thể thêm số lượng hoặc xóa bớt sản phẩm trong giỏ hàng  Thất bại : Không chỉnh sửa được giỏ hàng |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use case bắt đầu khi người dùng nhập tên sản phẩm và click vào giỏ hàng.  1. Người dùng chọn sản phẩm muốn điều chỉnh  2. Nhấn thêm hoặc xóa tùy người dùng  3. Bấm OK  4. Admin cập nhật lại giỏ hàng |
| Alternative flow  (Thất bại) | Tại bước 3 khi người dùng nhấn cancel. |
| **Extension point** | Không có |

## 6. Usecase “Xóa giỏ hàng”.

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | Xóa giỏ hàng |
| **Brief description** | Người dùng có thể xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng. |
| **Actor(s)** | Người dùng,admin |
| **Pre-conditions** | Người dùng phải đặt hàng từ trước, có kết nối Internet |
| **Post-conditions** | Thành công: xóa sản phẩm ra khỏi giỏ hàng  Thất bại : Xóa không thành công |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use case bắt đầu khi người dùng nhần vào ô delete  1. Bấm OK  2. Admin cập nhật lại giỏ hàng |
| Alternative flow  (Thất bại) | Tại bước 3 khi người dùng nhấn cancel. |
| **Extension point** | Không có |

## 7. Use case“ Đặt hàng ”

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | Đặt hàng |
| **Brief description** | Người dùng nhập thông tin đơn hàng |
| **Actor(s)** | Người dùng,admin |
| **Pre-conditions** | Người dùng phải đặt hàng từ trước, có kết nối Internet |
| **Post-conditions** | Thành công: Xuất ra bill hoàn thành đặt hàng  Thất bại : đặt hàng không thành công |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use case bắt đầu khi người dùng nhần vào ô đặt hàng  1. Nhập thông tin người dùng  2. Admin thống kê in ra giá và xuất ra bill cho user xem  3. Người dùng nhấn đồng ý  4. Admin lưu lại bill vào CSDL với tình trạng đã thanh toán |
| Alternative flow  (Thất bại) | Tại bước 3 khi người dùng nhấn cancel. |
| **Extension point** | Không có |

## 8. User case “Xem sản phẩm”

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | Xem sản phẩm |
| **Brief description** | Người dùng xem các sản phẩm trên trang web |
| **Actor(s)** | Người dùng,admin |
| **Pre-conditions** | Có kết nối Internet |
| **Post-conditions** | Thành công: Xem được các sản phẩm hiển thỉ trên trang web  Thất bại : không load được trang |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use case bắt đầu khi người dùng truy cập vào trang web.   1. Người dùng xem trang web |
| Alternative flow  (Thất bại) | Không có |
| **Extension point** | Không có |

## 9. User case “Xem chi tiết sản phẩm”

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | Xem chi tiết sản phẩm |
| **Brief description** | Người dùng xem chi tiết sản phẩm người dùng chọn |
| **Actor(s)** | Người dùng,admin |
| **Pre-conditions** | Có kết nối Internet |
| **Post-conditions** | Thành công: Xem được các chi tiết sản phẩm  Thất bại : không xem được chi tiết sản phẩm |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use case bắt đầu khi người dùng click vào ô sản phẩm.   1. Người dùng xem được chi tiết của sản phẩm |
| Alternative flow  (Thất bại) | Không có |
| **Extension point** | Không có |

# **III. Phân công công việc.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tuần 30, 31 | Tuần 32,33 | Tuần  34, 35 | Tuần  36,37 | Tuần  38 | Tuần 39 | Tuần 40 |  |
| Viết use case |  |  |  |  |  |  |  | Cả nhóm |
| Thiết kế cơ sở dữ liệu |  |  |  |  |  |  |  | Long |
| Tìm hiểu công nghệ và thiết kế giao diện |  |  |  |  |  |  |  | Cả nhóm |
| Hoàn chỉnh DB |  |  |  |  |  |  |  | Cả nhóm |
| Đăng nhập,đăng ký |  |  | Giao diện |  |  |  |  | Huy |
| Trang chủ,loại sản phẩm,chi tiết sản phẩm |  |  | Giao diện |  |  |  |  | Khang |
| Đặt hàng, quản lý giỏ hàng |  |  | Giao diện |  |  |  |  | Long |
| Đăng nhập,đăng ký,tìm kiếm |  |  |  | Kết nối DB |  |  |  | Huy |
| Trang chủ,loại sản phẩm,chi tiết sản phẩm |  |  |  | Kết nối DB |  |  |  | Khang |
| Đặt hàng, quản lý giỏ hàng |  |  |  | Kết nối DB |  |  |  | Long |
| Tổng hợp code và sửa |  |  |  |  |  |  |  | Cả nhóm |
| Kiểm tra sửa lỗi |  |  |  |  |  |  |  | Cả nhóm |
| Viết báo cáo |  |  |  |  |  |  |  | Cả nhóm |